

Bản án số: 30/2025/DS-ST
Ngày: 27/3/2025
Vv: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;
2. Ông Nguyễn Đình Rành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/3/2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 819/2024/DSST ngày 26/11/2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST – DS ngày ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐHPT-DS ngày 05 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: Lầu H, 2 N, phường V, Quận C, Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Thân Lê N; địa chỉ: Lầu H, 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 3981/2024/UQ-TGD ngày 28/5/2024) (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Văn T sinh năm 1992 Địa chỉ: Số A Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày 05/09/2017, ông T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và

sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074-5788; Hạn mức: 20.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 05/9/2017; Lãi suất áp dụng: 2.15%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 130.298.700 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 119.027.500 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), vào ngày 01/04/2019 ông T bắt đầu vi phạm và ngưng thanh toán, nên vào ngày 01/08/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 20.562.162 đồng sang quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.225%/tháng (= lãi suất trong hạn 2.15% x 150%) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 27/3/2025, ông T còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 20.562.162 đồng; Lãi quá hạn: 45.688.968 đồng. Tổng cộng: 66.251.130 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T, yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 giải quyết buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2025 là 66.251.130 đồng; trong đó: Nợ gốc: 20.562.162 đồng; Lãi quá hạn: 45.688.968 đồng. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Toà án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bị đơn ông Lê Văn T phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 05/09/2017, thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 05/09/2017 thể hiện ông Lê Văn T tại thời điểm ký kết hợp đồng với nguyên đơn có địa chỉ tại Số A Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Kết quả

xác minh của Công an phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh: Công dân Lê Văn T có hộ khẩu thường trú nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ A Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện gia đình đang sinh sống tại 3 Đ, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Lê Văn T các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S đối với bị đơn ông Lê Văn T:

Xét, Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 05/09/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074-5788; Hạn mức: 20.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng: 05/9/2017; Lãi suất áp dụng: 2.15%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lê Văn T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 130.298.700 đồng.

Căn cứ Bảng sao kê tóm tắt thẻ tín dụng của ông Lê Văn T, tính đến ngày 27/03/2025 ông Lê Văn T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S tổng cộng số tiền là 66.251.130 đồng; trong đó: Nợ gốc: 20.562.162 đồng; Lãi quá hạn: 45.688.968 đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự 2015 về nghĩa vụ trả tiền và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Căn cứ Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định:

“Điều 98. Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại

...

d) Phát hành thẻ tín dụng....”

Xét, Cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của ông Lê Văn T với Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S “Tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng S2 có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa tôi/chúng tôi và S2. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi/chúng tôi đã được cấp...”

Xét, Điều 27 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định: “Bằng việc chấp nhận các quy định tại Điều khoản và Điều kiện này thông qua việc sử dụng Thẻ tín dụng, Chủ thẻ đồng ý rằng Đơn vị phát hành Thẻ có quyền sửa đổi, bổ sung những Điều kiện, điều khoản này bất cứ lúc nào nhưng phải thông báo trước khi có hiệu lực cho Chủ thẻ bằng các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp vào địa chỉ mà chủ thẻ đã cung cấp cho Đơn vị phát hành thẻ hoặc công bố trên website của Đơn vị phát hành thẻ, hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của đơn vị phát hành thẻ. Các sửa đổi, bổ sung có giá trị nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ tín dụng sau khi sự sửa đổi, bổ sung có hiệu lực, trừ khi Chủ thẻ phản đối bằng cách biểu lộ ý định chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo điều kiện được quy định tại Điều 13 trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo”.

Xét, Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...”

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện 1 hoặc nhiều hành động sau:

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ.
- Tiến hành áp dụng 1 hoặc nhiều biện pháp để thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện Chủ thẻ...”

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Lê Văn T. Tuy nhiên ông Lê Văn T không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Lê Tất Tịnh T1 đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S buộc bị đơn ông Lê Văn T phải thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 27/3/2025 là 66.251.130 đồng; trong đó: Nợ gốc: 20.562.162 đồng; Lãi quá hạn: 45.688.968 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn ông Lê Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 05/09/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...”

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện 1 hoặc nhiều hành động sau:

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ.

- Tiến hành áp dụng 1 hoặc nhiều biện pháp để thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện Chủ thẻ...”

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4.] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S, bị đơn ông Lê Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Lê Văn T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tổng cộng tính đến 27/3/2025 là 66.251.130 đồng; trong đó: Nợ gốc: 20.562.162 đồng; Lãi quá hạn: 45.688.968 đồng.

Trả ngay 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 28/03/2025, bị đơn ông Lê Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 05/09/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 05/09/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 3.312.557 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 1.407.056 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0036800 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S và bị đơn ông Lê Văn T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thúc).



Trần Thị Xuân Duyên